

Số: /2025/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao Công nghệ Số 159/VBHN-VPQH ngày 9/9/2025;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 18 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và sửa đổi bổ sung năm 2022 và năm 2025;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 16 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

Thực hiện Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/06/2025 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao Công nghệ;

Thực hiện Nghị định 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ: số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Nghị định của Chính phủ số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Thực hiện Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025";

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Văn hóa Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Nội dung và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nội dung: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Trong đó ngân sách địa phương đảm bảo trong phạm vi nguồn kinh phí chi cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được giao hàng năm.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025.

c) Nghị quyết 180/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định về hỗ trợ thu nhập cho công chức chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Các chính sách hỗ trợ được triển khai theo các Nghị quyết nêu trên được phép tiếp tục hoàn thành các nội dung đang thực hiện dở dang trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;

CHỦ TỊCH

- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học & Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Công TTĐT đại biểu nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, CV.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NGHỆ AN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐMST&CDS) tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030 trên các lĩnh vực: Khoa học; công nghệ; Đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số; khởi nghiệp sáng tạo; giải thưởng Khoa học và Công nghệ; sở hữu trí tuệ; phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ; xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hoạt động đo lường và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và thụ hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp; hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng; quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Không hỗ trợ các nội dung, sản phẩm đã được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc các chương trình, dự án khác.

2. Các tổ chức, cá nhân có một nội dung cùng một thời điểm đủ điều kiện được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một chính sách cao nhất. Trường hợp tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau trong phạm vi quy định tại Nghị quyết này thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung khác nhau nếu đủ điều kiện.

3. Ưu tiên hỗ trợ các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, phát triển công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, và các dự án sản xuất, sử dụng vật liệu không nung, vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 4. Hỗ trợ về quản lý khoa học và phát triển nghiên cứu

1. Hỗ trợ nhân rộng, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu xếp từ loại đạt trở lên; có địa chỉ ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đầu tư từ ngân sách của tỉnh.

b) Nội dung, hình thức và mức hỗ trợ: Hỗ trợ thông qua việc giao nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ, đổi mới sáng tạo. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định căn cứ nhu cầu thực tế của từng nhiệm vụ, trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến đánh giá, xét duyệt của Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ, cụ thể:

- Tại các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, hải đảo hỗ trợ 70% tổng vốn đầu tư mô hình nhân rộng, ứng dụng kết quả nghiên cứu, nhưng tối đa không quá 1.500.000.000 đồng/mô hình.

- Tại các địa bàn còn lại hỗ trợ không quá 50% tổng vốn đầu tư, và tối đa không quá 1.000.000.000 đồng/mô hình.

d) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp (theo Mẫu số PL3.1).

- Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu hoặc mô tả công nghệ, sản phẩm đề xuất nhân rộng (theo Mẫu số PL3.2).

- Biên bản hoặc quyết định nghiệm thu kết quả nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ từ loại đạt trở lên (bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu).

- Tài liệu chứng minh khả năng nhân rộng, ứng dụng hoặc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có).

- Phương án hoặc kế hoạch triển khai mô hình nhân rộng, ứng dụng kết quả nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ, trong đó nêu rõ mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, kinh phí thực hiện, hạch toán hiệu quả kinh tế và dự kiến kết quả (theo Mẫu số PL3.3).

- Cam kết và có minh chứng tin cậy có thể huy động đủ nguồn vốn đối ứng (nếu có theo Mẫu số PL3.4).

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Hàng năm Sở khoa học và công nghệ nhận hồ sơ hỗ trợ 01 đợt từ 01/07 đến 31/7.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định đưa vào kế hoạch hỗ trợ nhân rộng mô hình.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện các công việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân để triển khai nhân rộng mô hình theo quy định.

2. Hỗ trợ tác giả đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp Bộ, cấp quốc gia sau khi thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An và được hội đồng nghiệm thu với mức đạt trở lên

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tác giả đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có tính mới, khả năng ứng dụng thực tiễn và tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Đề xuất được Hội đồng khoa học và công nghệ thẩm định, đánh giá chấp thuận và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đưa vào danh mục nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp Bộ hoặc cấp quốc gia triển khai thực hiện và nghiệm thu đạt kết quả.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50.000.000 đồng/đề xuất.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số PL3.1 ban hành kèm theo Nghị quyết).
- Bản sao Quyết định hoặc văn bản phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ và biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của cấp Bộ hoặc cấp quốc gia.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Hàng năm Sở khoa học và công nghệ nhận hồ sơ hỗ trợ 01 đợt từ 01/11 đến 30/11.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Hỗ trợ ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu và kiến nghị đưa vào ứng dụng thực tiễn.

- Sản phẩm công nghệ sinh học phải phù hợp với điều kiện sinh thái, quy trình sản xuất của địa phương, có tác dụng cải thiện năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế, cải tạo và bảo vệ cảnh quan môi trường nông nghiệp, nông thôn.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí mua và sử dụng sản phẩm công nghệ sinh học là kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ đã được nghiệm thu, bao gồm các chế phẩm đã được công nhận và các chế phẩm mới đủ điều kiện áp dụng.

- Mức hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua sản phẩm và tối đa không quá 2.000.000.000đ/sản phẩm/năm, cụ thể căn cứ vào nhu cầu đăng ký, quy mô, đối tượng sử dụng và danh mục sản phẩm được Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận đủ điều kiện áp dụng hàng năm.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số PL3.1 ban hành kèm theo Nghị quyết).
- Bản sao Biên bản hoặc Quyết định nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến sản phẩm công nghệ sinh học đề nghị hỗ trợ hoặc giấy ủy quyền thương hiệu/giấy phép được sản xuất theo ủy thác bản quyền của bên nắm giữ bản quyền chế phẩm.

- Tài liệu mô tả hoặc hướng dẫn kỹ thuật của sản phẩm công nghệ sinh học (quy trình, thành phần, phạm vi áp dụng, đơn vị sở hữu hoặc chuyển giao).

- Báo cáo tổng hợp kết quả đăng ký ứng dụng sản phẩm công nghệ sinh học nêu rõ đối tượng, địa điểm, quy mô, thời gian và kết quả dự kiến.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định để tổ chức cá nhân tiến hành việc triển khai hỗ trợ.

- Nghiệm thu và quyết toán: Sau khi hoàn thành, đơn vị được giao chủ trì tiến hành nghiệm thu cơ sở, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách; Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức phúc tra, xác nhận kết quả, làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

4. Hỗ trợ nghiên cứu, phát hiện và công bố nguồn gen sinh vật mới, đặc hữu, quý hiếm của tỉnh cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Có kết quả nghiên cứu phát hiện nguồn gen mới, loài mới hoặc nguồn gen đặc hữu của tỉnh Nghệ An có giá trị khoa học, được xác định có tiềm năng bảo tồn, phát triển phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

- Nguồn gen, loài sinh vật được các cơ quan chuyên môn thẩm định, được các cấp có thẩm quyền đưa vào Danh mục nguồn gen quý hiếm, đặc hữu cần bảo tồn ở cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 150.000.000 đồng/1 loài mới được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế.

- Hỗ trợ 70.000.000 đồng/1 nguồn gen được đưa vào danh mục bảo tồn nguồn gen cấp quốc gia.

- Hỗ trợ 50.000.000 đồng/1 loài mới hoặc đặc hữu được đưa vào danh mục bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh.

- c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:
- Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu số PL3.1).
 - Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, xác nhận của cơ quan quản lý hoặc tổ chức khoa học và công nghệ.
 - Bản sao văn bản công nhận hoặc quyết định đưa vào danh mục bảo tồn nguồn gen của cấp có thẩm quyền.
 - Tài liệu chứng minh việc công bố loài mới (bản sao bài báo, tạp chí quốc tế có uy tín).

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:
 - Đợt 1: Từ ngày 01/4 đến ngày 30/4.
 - Đợt 2: Từ ngày 01/10 đến 31/10.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

5. Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng tư vấn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do trưởng Ban chỉ đạo là Bí thư tỉnh ủy thành lập

- a) Điều kiện hỗ trợ:
- Hội đồng tư vấn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh.
 - Hội đồng được thành lập để tư vấn về các vấn đề chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Chi hỗ trợ Hội đồng tư vấn: Chủ tịch Hội đồng: 9.000.000 đồng/cuộc họp; Phó Chủ tịch Hội đồng, Thành viên Hội đồng: 7.500.000 đồng/người/cuộc họp; Thư ký Hội đồng: 1.500.000 đồng/người/cuộc họp; Bài tham luận, nhận xét, đánh giá: 5.000.000 đồng/bài.
- Hỗ trợ các chi phí đi lại, lưu trú trong thời gian làm việc, tham dự cuộc họp Hội đồng bao gồm: Vé máy bay khứ hồi; chi phí đi lại; thuê khách sạn mức 4-5 sao. Khoản hỗ trợ chi phí đi lại, lưu trú được tính trọn gói.

c) Hồ sơ thanh toán: Theo quy định hiện hành.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

Hàng năm UBND tỉnh phân bổ ngân sách về Văn phòng tỉnh ủy để chi trả cho các thành viên hội đồng theo chính sách này sau khi triển khai các cuộc họp.

6. Hỗ trợ công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu khoa học thuộc diện biên chế công chức, viên chức tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tác giả chính là công chức, viên chức tỉnh Nghệ An.
- Bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc hệ thống ISI–Web of Science (WoS) hoặc Scopus, có phản biện, có chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor hoặc CiteScore) trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực.
- Bài báo có địa chỉ tác giả ghi rõ cơ quan, đơn vị công tác tại Nghệ An.
- Bài báo phải có minh chứng về việc công bố (file bài báo, DOI, thư xác nhận của tạp chí hoặc trích lục từ cơ sở dữ liệu tạp chí quốc tế).

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ theo loại tạp chí: Q1: 30.000.000, Q2: 25.000.000 và 20.000.000 cho các tạp chí quốc tế thuộc ISI, Scopus còn lại.
- Hỗ trợ chi trả trực tiếp cho tác giả chính (Người được ghi tên đầu tiên trong danh sách tác giả) qua tài khoản cá nhân.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Bản tổng hợp và công văn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, đơn vị công tác về việc bài báo là kết quả nghiên cứu trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn hoặc đề tài của cá nhân.
- Văn bản đề nghị hỗ trợ công bố quốc tế của tác giả (theo Mẫu PL3.1).
- Bản sao bài báo đã công bố, có đầy đủ thông tin tạp chí, tác giả, số DOI.
- Tài liệu xác nhận tạp chí thuộc danh mục ISI–WoS hoặc Scopus (trích từ cơ sở dữ liệu chính thức).

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:
 - Đợt 1: Từ ngày 01/3 đến ngày 30/3.
 - Đợt 2: Từ ngày 01/9 đến 30/9.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 5. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp và sở hữu trí tuệ cho tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có địa chỉ hoạt động, trụ sở trên địa bàn tỉnh và đóng thuế cho Nghệ An, nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả hoặc quyền liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Bản quyền tác giả hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận đăng ký hợp lệ.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 25.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp được cấp trong nước.

- Hỗ trợ 60.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ trong nước.

- Hỗ trợ 10.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với phần mềm máy tính được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

- Hỗ trợ 80.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ ở nước ngoài.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kết quả xác lập quyền SHTT của chủ văn bằng bảo hộ (theo Mẫu PL3.1).

- Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ hoặc giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh (đối với doanh nghiệp) hoặc quyết định thành lập (đối với tổ chức) hoặc căn cước công dân của cá nhân.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

Đợt 1: Từ ngày 01/4 đến ngày 30/4.

Đợt 2: Từ ngày 01/10 đến ngày 31/10.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân giới thiệu thương mại hóa kết quả nghiên cứu KHCN, ĐMST&CDS

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn tỉnh và đóng thuế cho Nghệ An, được Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, cử tham gia ngày hội khởi nghiệp sáng tạo (Techfest), chợ công nghệ, thiết bị (Techmart) hoặc sự kiện kết nối cung cầu công nghệ, thiết bị (Techdemo, Techconnect) trong và ngoài nước.

- Có gian hàng, sản phẩm, công nghệ, thiết bị hoặc kết quả nghiên cứu khoa học được trưng bày, giới thiệu, kết nối giao dịch tại sự kiện nói trên.

- Có báo cáo kết quả tham gia và cam kết khai thác, chuyển giao công nghệ, thiết bị sau sự kiện (nếu có).

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với sự kiện diễn ra tại vùng Bắc Trung Bộ: Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/đơn vị tham dự.

- Đối với sự kiện diễn ra tại Việt Nam ngoài vùng Bắc Trung Bộ: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/đơn vị tham dự.

- Đối với Sự kiện diễn ra tại nước ngoài: Mức hỗ trợ tối đa 150.000.000 đồng/đơn vị tham dự, bao gồm chi phí vận chuyển, gian hàng, truyền thông, hội thảo, đi lại và tài liệu liên quan.

- Trường hợp tham gia theo đoàn của tỉnh, kinh phí hỗ trợ có thể thực hiện thông qua nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh hoặc kế hoạch phát triển thị trường Khoa học và Công nghệ hàng năm.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ tham gia sự kiện tương ứng (theo Mẫu PL3.1) trong thời gian 30 ngày sau khi sự kiện kết thúc.

- Tài liệu chứng minh việc tham gia (giấy mời, quyết định cử đoàn, hợp đồng gian hàng, danh mục sản phẩm, hình ảnh trưng bày, giấy chứng nhận, ...).

- Báo cáo kết quả tham gia sự kiện, có đề xuất hướng khai thác, hợp tác hoặc chuyển giao công nghệ sau sự kiện.

- Bản sao hộ chiếu có dấu xác nhận ngày đi, ngày về của cơ quan xuất nhập cảnh (Hoặc giấy tờ chứng minh khác).

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh và đóng thuế cho Nghệ An, thực hiện dự án đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải hoặc nâng cao giá trị gia tăng.

- Công nghệ, thiết bị đầu tư phải là công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, có chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và môi trường.

- Dự án đầu tư đổi mới công nghệ phải được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, xác nhận đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ:

Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao.

Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Hỗ trợ tối đa 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Hỗ trợ tối đa 70% cho chi phí công nghiên cứu: Tạo công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm năng lượng.

- Tổng kinh hỗ trợ cho các dự án quy định tại khoản 3 Điều này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp trong một năm. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 02 (hai) dự án.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư, đổi mới công nghệ (theo Mẫu PL3.1).
- Thuyết minh dự án.
- Báo cáo kết quả thực hiện dự án: bản gốc.
- Bản scan các giấy tờ: Báo cáo quyết toán và chứng từ tài chính hợp lệ (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng, hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính; Giấy chứng nhận của các tổ chức chứng nhận được công nhận: hợp chuẩn, hợp quy, mã số mã vạch, công bố tiêu chuẩn chất lượng) đối với các nội dung đề nghị hỗ trợ. Khi thẩm định sẽ yêu cầu đưa bản gốc để đối chiếu.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Hỗ trợ các dự án thí điểm (pilot project) xây dựng công trình sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế tại chỗ cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức có trụ sở và hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đóng thuế cho Nghệ An, thực hiện dự án thí điểm (pilot project) công trình xây dựng cho cộng đồng hoặc tổ chức công lập có tỷ lệ sử dụng từ 70% trở lên vật liệu xanh, vật liệu tái chế tại chỗ nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Vật liệu, công nghệ áp dụng trong công trình phải là vật liệu xanh, tái chế, thân thiện môi trường, có chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và đáp ứng quy chuẩn xây dựng hiện hành.

- Dự án phải được Sở Xây dựng thẩm định, xác nhận đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo quy định.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm, kiểm định chất lượng, đánh giá hiệu quả sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế trong công trình xây dựng và một phần chi phí mua sắm thiết bị, công cụ phục vụ thi công, giám sát, đánh giá kỹ thuật, đào tạo nhân lực và truyền thông nhân rộng mô hình.

- Mức hỗ trợ: Căn cứ quy mô, tính mới, khả năng nhân rộng và hiệu quả môi trường, xã hội của công trình, Hội đồng thẩm định Khoa học và Công nghệ đề xuất mức hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí thực hiện, nhưng không quá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng)/dự án.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án thí điểm sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế (theo Mẫu PL3.1) và Công văn đề nghị của Sở Xây dựng.

- Thuyết minh dự án, phương án kỹ thuật, trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung, tỷ lệ vật liệu xanh – tái chế sử dụng, hiệu quả kinh tế – xã hội – môi trường.

- Hồ sơ kỹ thuật mô tả vật liệu, công nghệ, báo giá, hợp đồng mua sắm (nếu có).

- Tài liệu chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ, vật liệu.

- Văn bản thẩm định của Sở Xây dựng đối với dự án thí điểm.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

1. Hỗ trợ tổ chức ngày hội khởi nghiệp sáng tạo hàng năm

a) Điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Chương V, Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đã quy định về hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

b) Nội dung, mức hỗ trợ

- Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo kế hoạch phê duyệt hàng năm.

- Thuê mặt bằng (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/1 đơn vị tham gia/gian hàng, hỗ trợ không quá 60 gian trưng bày sản phẩm tại ngày hội khởi nghiệp sáng tạo hàng năm.

- Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ tổ chức cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Nghệ An hàng năm: Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt giải tại cuộc thi theo các mức chi như sau:

Giải nhất: 50.000.000 đồng/giải.

Giải nhì: 40.000.000 đồng/giải.

Giải ba: 30.000.000 đồng/giải.

Giải khuyến khích: 15.000.000 đồng/giải.

Dự án khởi nghiệp tiềm năng: 5.000.000 đồng/giải.

- Hỗ trợ thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian kêu gọi, truyền thông và tổ chức cuộc thi từ khi phát động và thành lập Ban tổ chức cuộc thi: Ban tổ chức: 2.000.000 đồng/người/tháng; Ban thư ký: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Hỗ trợ mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh theo quy định hiện hành.

- Hỗ trợ thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

Đối với chuyên gia trong nước: Mức thuê chuyên gia tối đa không quá 20.000.000 đồng/chuyên gia/Chuyên đề đào tạo.

Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 4 lần thuê chuyên gia trong nước.

Tổng chi phí chi cho khoản 1 điều này mỗi năm không quá 1.500.000.000đ.

c) Hồ sơ thực hiện: Theo quy định hiện hành.

d) Trình tự thủ tục thực hiện: Hàng năm Sở khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch và trình UBND tỉnh phê duyệt triển khai theo quy định.

2. Hỗ trợ cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện, hình thức hỗ trợ:

- Đối tượng thuộc phạm vi theo điều này phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Cơ sở, tổ chức phải có tư cách pháp nhân, hoạt động hợp pháp, có trụ sở chính tại Nghệ An và có hợp đồng, kế hoạch, dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung sau khi thực hiện dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật và hợp đồng được thanh lý.

- Không hỗ trợ đối với các nội dung, hạng mục đã được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước khác.

b) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:

- Đối với tổng giá trị hợp đồng đầu tư dưới 1.000.000.000 đồng/dự án: hỗ trợ 50%, tối đa không quá 300.000.000 đồng/dự án.

Đối với tổng giá trị hợp đồng đầu tư từ 1.000.000.000 đồng trở lên/dự án: hỗ trợ 30%, tối đa không vượt quá 1.000.000.000 đồng/dự án.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu PL3.1).

- Thuyết minh dự án, phương án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nêu rõ mục tiêu, nội dung, hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Hợp đồng, báo giá, hóa đơn hoặc tài liệu chứng minh giá trị đầu tư, chi phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở, tổ chức (nếu có).

- Báo cáo kết quả nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp có ý tưởng, dự án, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn tham gia chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An tổ chức hoặc giao đơn vị chủ trì triển khai. Ưu tiên các dự án lọt top 20 cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp sáng tạo Nghệ An mở rộng hàng năm và các dự án đạt giải các tỉnh hoặc quốc gia.

- Dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có nội dung đổi mới về công nghệ, sản phẩm, mô hình kinh doanh, có khả năng thương mại hóa và tăng trưởng nhanh.

- Các dự án được hỗ trợ theo từng giai đoạn phát triển (tiền ươm tạo - ươm tạo - tăng tốc - phát triển doanh nghiệp) theo kế hoạch hàng năm được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ thông qua các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung) theo các giai đoạn:

- Giai đoạn tiền ươm tạo: Hỗ trợ hình thành, hoàn thiện ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng mô hình kinh doanh sơ bộ; nghiên cứu tính khả thi. Mức hỗ trợ tối đa: 20.000.000 đồng/dự án.

- Giai đoạn ươm tạo: Hỗ trợ các dự án có sản phẩm tiềm năng, có khả năng thương mại hóa ra thị trường để hoàn thiện sản phẩm mẫu, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, thử nghiệm thị trường, xây dựng chiến lược tiếp cận khách hàng. Mức hỗ trợ tối đa: 50.000.000 đồng/dự án.

- Giai đoạn tăng tốc: Hỗ trợ mở rộng quy mô sản xuất thử, phát triển thị trường và gọi vốn đầu tư, tư vấn chiến lược kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị, kết nối nhà đầu tư và quỹ đầu tư mạo hiểm. Mức hỗ trợ tối đa: 70.000.000 đồng/dự án.

- Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: Dự án khởi nghiệp đã hình thành doanh nghiệp, có sản phẩm thương mại hóa, đang mở rộng quy mô thị trường được hỗ trợ để: Nghiên cứu, cải tiến sản phẩm, quy trình sản xuất; Đầu tư, ứng dụng công nghệ mới; Xây dựng tiêu chuẩn, chứng nhận chất lượng; Mở rộng thị trường, kết nối chuỗi cung ứng, phát triển thương hiệu. Mức hỗ trợ tối đa 500.000.000 đồng/dự án/doanh nghiệp, căn cứ vào quy mô, hiệu quả và khả năng nhân rộng do Hội đồng Khoa học và Công nghệ thẩm định, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Hỗ trợ thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp Khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được xem xét hỗ trợ tài chính tương đương tối đa 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đã nộp trong năm trước liền kề, trong thời hạn 5 năm đầu có lãi để tái đầu tư mở rộng sản xuất.

- Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, người lao động trình độ cao đang làm việc tại doanh nghiệp Khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được xem xét hỗ trợ tương đương tối đa 80% số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã nộp trong năm trước liền kề với mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/1 năm/người, tối đa 05 năm kể từ khi ký hợp đồng lao động lần đầu.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo (theo Mẫu PL3.1) của tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo kèm theo danh mục các dự án đề nghị hỗ trợ.

- Thuyết minh ý tưởng/dự án khởi nghiệp hoặc kế hoạch phát triển doanh nghiệp.

- Tài liệu minh chứng kết quả đạt giải hoặc tham gia chương trình, sự kiện khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh.

- Hồ sơ chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức/cá nhân (quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

- Dự toán chi phí, kế hoạch sử dụng và cam kết thực hiện đúng mục tiêu hỗ trợ.

- Giấy tờ chứng minh hoàn thành nghĩa vụ thuế (trường hợp đề nghị hỗ trợ thuế).

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

Đợt 1: Từ ngày 01/3 đến ngày 31/3.

Đợt 2: Từ ngày 01/11 đến ngày 30/11.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện việc giao dự toán cho đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo để tiến hành hỗ trợ ươm tạo theo quy trình.

- Kết thúc một giai đoạn ươm tạo đơn vị tổ chức ươm tạo đánh giá căn cứ tình hình thực tế của doanh nghiệp để tham mưu cho Sở khoa học và công nghệ để hỗ trợ giai đoạn tiếp theo hay dừng lại.

4. Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành lập mới

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Được cấp Giấy chứng nhận lần đầu là một trong các đối tượng sau: Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; Doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Doanh nghiệp công nghệ cao; doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định pháp luật hiện hành.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với tổ chức trung gian của thị trường Khoa học và Công nghệ:

Hỗ trợ một lần 50.000.000 đồng/tổ chức sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động.

Các loại hình tổ chức trung gian gồm: trung tâm xúc tiến và môi giới công nghệ, trung tâm ươm tạo công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, tổ chức đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ, cơ sở hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, v.v.

- Đối với doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Hỗ trợ một lần 100.000.000 đồng/doanh nghiệp sau khi được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

Khi doanh nghiệp có thêm sản phẩm mới được công nhận là sản phẩm Khoa học và Công nghệ hoặc sản phẩm công nghệ cao, được hỗ trợ thêm 50.000.000 đồng/kết quả Khoa học và Công nghệ mới được bổ sung vào Giấy chứng nhận.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu PL3.1).

- Bản scan giấy chứng nhận: Tổ chức trung gian của thị trường Khoa học và Công nghệ, hoặc Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

Đợt 1: Từ ngày 01/3 đến ngày 31/3.

Đợt 2: Từ ngày 01/11 đến ngày 30/11.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ theo quy trình.

5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, mô hình mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Mục tiêu và phạm vi áp dụng:

- Cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình, sản phẩm, dịch vụ, giải pháp mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định tại Mục 2, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025.

- Áp dụng đối với trường hợp chưa có quy định pháp luật điều chỉnh đầy đủ hoặc quy định hiện hành còn bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn triển khai.

- Mục tiêu nhằm khuyến khích ý tưởng mới, giảm thiểu rủi ro cho tổ chức, cá nhân, tạo môi trường thử nghiệm an toàn, thúc đẩy hình thành sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng phát triển và lan tỏa.

b) Nguyên tắc thực hiện:

- Việc thử nghiệm phải được UBND tỉnh phê duyệt bằng văn bản trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, xác định rõ phạm vi, thời gian, đối tượng, nội dung và quy mô thử nghiệm để đưa vào danh mục nhiệm vụ và giao thực hiện theo quy trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Mọi hoạt động thử nghiệm phải bảo đảm an toàn, tuân thủ pháp luật, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, môi trường, sức khỏe cộng đồng và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

- Kết quả thử nghiệm không được coi là căn cứ pháp lý để thương mại hóa đại trà khi chưa có quy định pháp luật điều chỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức, cá nhân phải báo cáo kết quả, đánh giá tác động, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách để xem xét nhân rộng.

c) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm, dịch vụ trong thời gian triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; Hỗ trợ tư vấn pháp lý, thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ, đánh giá an toàn thông tin, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; Hỗ trợ truyền thông, kết nối đối tác, đánh giá thị trường và chuyển giao kết quả thử nghiệm khi kết thúc giai đoạn thử nghiệm thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Mức hỗ trợ: Tối đa 50% tổng kinh phí thực hiện dự án thử nghiệm, nhưng không quá 500.000.000 đồng/dự án. Mức cụ thể căn cứ theo phương án thử nghiệm được thẩm định và phê duyệt khi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát (theo Mẫu PL3.1).
- Thuyết minh dự án thử nghiệm, trong đó nêu rõ nội dung, mục tiêu, phạm vi, thời gian, quy trình và phương án triển khai thử nghiệm.
- Tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện (giấy đăng ký doanh nghiệp, nhân lực, cơ sở vật chất, năng lực tài chính).
- Dự toán kinh phí thực hiện và các minh chứng chi phí liên quan.
- Các tài liệu khác theo yêu cầu thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ (nếu cần).

e) Trình tự thủ tục thực hiện:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định về nội dung, kinh phí và trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ theo hình thức giao thực hiện theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Trong Trường hợp vi phạm quy định pháp luật, UBND tỉnh thu hồi quyết định phê duyệt, buộc hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ thực hiện trên địa bàn tỉnh Nghệ An đạt giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tác giả, nhóm tác giả là công dân Việt Nam thường trú hoặc đang công tác, làm việc tại Nghệ An, có công trình, cụm công trình khoa học công nghệ được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của Chủ tịch nước.

- Giải thưởng được trao trong thời gian thực hiện Nghị quyết và thuộc lĩnh vực, kết quả nghiên cứu có đóng góp, tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An.

- Mỗi công trình, cụm công trình chỉ được hỗ trợ một lần, không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Tác giả hoặc nhóm tác giả đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ: Mức hỗ trợ: 200.000.000 đồng/giải thưởng.

- Tác giả hoặc nhóm tác giả đạt Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ: Mức hỗ trợ: 120.000.000 đồng/giải thưởng.

c) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu PL3.1);
- Bản scan Quyết định của Chủ tịch nước về việc trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc Giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ;
- Bản tóm tắt công trình, cụm công trình được trao giải (có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi tác giả đang công tác hoặc cư trú);
- Văn bản xác nhận địa chỉ cư trú hoặc nơi công tác tại Nghệ An của tác giả hoặc nhóm tác giả.

d) Trình tự thủ tục thực hiện:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ theo quy trình.

7. Hỗ trợ xét tặng Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An

a) Mục tiêu và phạm vi áp dụng:

- Ghi nhận, tôn vinh các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được ứng dụng hiệu quả tại tỉnh Nghệ An, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng

cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ và doanh nghiệp địa phương.

- Giải thưởng được mang tên “Giải thưởng Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An”, là giải thưởng cấp tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Giải thưởng được xét tặng 03 năm một lần, bắt đầu từ năm 2026, công bố và trao thưởng thời điểm phù hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Nguyên tắc, điều kiện và quy trình xét tặng:

- Việc xét tặng, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét thưởng được thực hiện theo các quy định tại Điều 22, 23, 24, 25 và 26 Chương III Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

- Các công trình, cụm công trình được đề nghị xét thưởng phải:

- Được ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, mang lại lợi ích rõ rệt về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc môi trường.

- Không vi phạm quy định về quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác.

- Chưa từng được trao giải thưởng cấp tỉnh trở lên.

- Hội đồng xét thưởng các cấp có trách nhiệm bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng quy định.

c) Cơ cấu giải thưởng và mức thưởng:

- Các lĩnh vực được xét tặng gồm: Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật và công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Y dược; Khoa học xã hội và nhân văn; Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ cấu giải và mức thưởng cụ thể:

- 01 Giải A: 50 lần mức lương cơ sở/công trình;

- 12 Giải B: 40 lần mức lương cơ sở/công trình;

- 18 Giải C: 35 lần mức lương cơ sở/công trình;

- 24 Giải Khuyến khích: 10 lần mức lương cơ sở/công trình.

- Mỗi lĩnh vực xét thưởng không được vượt quá 9 giải thưởng.

- Đối với công trình không sử dụng ngân sách Nhà nước thì giải thưởng được nhân 2 lần.

- Khi nhà nước có sự thay đổi chế độ tiền lương, không còn sử dụng mức lương cơ sở, thì UBND tỉnh xem xét điều chỉnh mức tiền thưởng quy đổi sang giá trị tuyệt đối phù hợp với mức quy định tại quyết định trao thưởng.

d) Hồ sơ đề nghị xét tặng gồm: Hồ sơ, quy trình, biểu mẫu và thủ tục thực hiện được quy định tại Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

e) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập hội đồng xét thưởng và trình UBND tỉnh xem xét quyết định các giải thưởng.

- Sau khi có Quyết định giải của UBND tỉnh thời gian trao giải do UBND tỉnh quyết định vào thời gian phù hợp.

Điều 7. Hỗ trợ về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng

1. Hỗ trợ nâng cao năng lực và phát triển nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An có nhu cầu nâng cao năng lực, kiến thức và kỹ năng về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

- Nội dung đào tạo, tập huấn, hội thảo được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch tổ chức hoặc xác nhận tham gia.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức TCĐLCL: 10.000.000 đồng/lớp tối thiểu 30 người/cơ sở.

- Hỗ trợ cử cán bộ, nhân viên tham gia khóa đào tạo chuyên sâu, cấp chứng chỉ TCĐLCL: 10.000.000 đồng/cơ sở/khóa, mỗi năm 01 khóa/cơ sở.

- Hỗ trợ tổ chức hội thảo, diễn đàn về nâng cao chất lượng sản phẩm: 20.000.000 đồng/cuộc, tối đa 03 cuộc/tổ chức/năm.

2. Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất và chương trình đảm bảo đo lường

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất – kinh doanh có trụ sở tại Nghệ An, chưa được hỗ trợ nội dung tương tự;

- Thực hiện kế hoạch áp dụng hệ thống, công cụ quản lý chất lượng, được Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận tính khả thi.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây dựng, áp dụng và chứng nhận lần đầu hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế: 50.000.000 đồng/hệ thống, tối đa 03 hệ thống/cơ sở.

- Hỗ trợ áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng (5S, Kaizen, Lean, Six Sigma, KPI...): 50.000.000 đồng/công cụ, tối đa 02 công cụ/cơ sở.

- Hỗ trợ tư vấn, công nhận hệ thống quản lý ISO/IEC 17025 (phòng thử nghiệm): 70.000.000 đồng/phòng.

- Hỗ trợ tư vấn, công nhận ISO 15189 (phòng xét nghiệm y tế): 100 triệu đồng/phòng.

- Hỗ trợ xây dựng, áp dụng chương trình đảm bảo đo lường: 20 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

a) Điều kiện: Cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn hoặc công bố sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực;

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Xây dựng, áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) tiên tiến $\geq$ TCVN hoặc tiêu chuẩn quốc tế: 100% chi phí, tối đa 50.000.000 đồng/TCCS, tối đa 02 TCCS/năm.

- Công bố sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn:

- Theo TCVN: 20.000.000 đồng/sản phẩm.

- Theo tiêu chuẩn quốc tế/khu vực/nước xuất khẩu: 30.000.000 đồng/sản phẩm, tối đa 05 sản phẩm/năm.

- Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy theo tiêu chuẩn quốc tế (GlobalGAP, Halal, FDA...): 70% chi phí, tối đa 100.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Xây dựng phòng thử nghiệm tại chỗ (in-house lab): 30% tổng đầu tư thiết bị và tư vấn, tối đa 300.000.000 đồng/cơ sở.

- Nghiên cứu và phát triển (R&D) sản phẩm mới: 50% chi phí, tối đa 500.000.000 đồng/sản phẩm.

4. Hỗ trợ đạt Giải thưởng Chất lượng trong và ngoài nước

a) Điều kiện: Tổ chức, cá nhân sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An đạt các giải thưởng chất lượng cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế.

b) Mức hỗ trợ:

- Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: 30.000.000 đồng/cơ sở.

- Giải vàng Chất lượng Quốc gia: 40.000.000 đồng/cơ sở.

- Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 50.000.000 đồng/cơ sở.

5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

a) Điều kiện: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh áp dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, quản lý và quảng bá sản phẩm.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Xây dựng mã số, mã vạch, mã QR Code tích hợp thông tin chất lượng, xuất xứ: 20 triệu đồng/cơ sở.

- Triển khai giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm theo chuỗi: 70% chi phí, tối đa 100.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phát hành hộ chiếu điện tử cho sản phẩm OCOP hoặc sản phẩm chủ lực có tiềm năng xuất khẩu: 100% chi phí, tối đa 50.000.000 đồng/sản phẩm.

- Xây dựng hồ sơ, gian hàng tiêu chuẩn chất lượng trên sàn thương mại điện tử (Shopee, Lazada, Tiki... hoặc sàn của tỉnh): 80.000.000 đồng/cơ sở/sàn.

6. Quy định hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ tại điều này

a) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ (Mẫu PL3.1);
 - Phương án hoặc kế hoạch triển khai nội dung liên quan đề nghị hỗ trợ (đào tạo, tập huấn hoặc ứng dụng hệ thống chất lượng, công cụ cải tiến năng suất hoặc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa dịch vụ hoặc ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng hành hóa);

- Các kết quả triển khai như chứng chỉ, chứng nhận, hợp đồng, biên bản nghiệm thu hóa đơn liên quan trong quá trình triển khai, riêng đối với giải thưởng chất lượng chỉ cần giấy chứng nhận hoặc bằng khen kèm theo bản sao quyết định đạt giải thưởng của cấp có thẩm quyền.

b) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 2 đợt:

Đợt 1: Từ ngày 01/3 đến ngày 31/3.

Đợt 2: Từ ngày 01/9 đến ngày 31/9.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành hỗ trợ theo quy định.

Điều 8. Hỗ trợ về ổn định và phát triển nguồn nhân lực KHCN, ĐMST&CDS tỉnh Nghệ An

1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a) Mục tiêu, phạm vi áp dụng:

Nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện đến cấp cơ sở, lan tỏa nhận thức và kỹ năng số đến người dân, doanh nghiệp, hộ sản xuất, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đối tượng áp dụng gồm: Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường được thành lập theo quy định hiện hành.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho các Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm:

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số, sử dụng nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến.

- Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, thu thập dữ liệu số cơ sở, phản ánh khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số ở địa phương.

- Chi các khoản cần thiết cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng: thông tin, tuyên truyền, tập huấn, tài liệu, văn phòng phẩm, liên lạc, đi lại phục vụ nhiệm vụ được giao.

c) Mức hỗ trợ: 10.000.000 đồng/Tổ/năm, được UBND xã lập dự toán hàng năm và hỗ trợ hàng năm thông qua UBND cấp xã.

d) Trình tự, thủ tục thực hiện: UBND cấp xã báo cáo hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước 31 tháng 10 hàng năm. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh để bố trí phân khai đưa vào dự toán ngân sách xã cho năm tài chính tiếp theo để hỗ trợ thực hiện các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã.

2. Chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm việc hoặc phụ trách lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại:

- Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp xã;

- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Đang làm việc, được phân công phụ trách hoặc trực tiếp tham mưu, triển khai nhiệm vụ thuộc lĩnh vực KH-CN, ĐMST & CDS theo đề án vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc theo quyết định của thủ trưởng đơn vị phân công;

- Có kết quả thực hiện nhiệm vụ tốt, hoàn thành chức trách được giao.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ phụ cấp ngoài lương, không tính đóng bảo hiểm xã hội, cho cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a) với mức hỗ trợ từ 1,0 đến 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng tùy vị trí công tác, cấp quản lý và phạm vi phụ trách (quy định chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

d) Trình tự, thủ tục thực hiện: Trên cơ sở các đối tượng được hưởng chính sách tại Phụ lục 1, hàng năm Sở khoa học và công nghệ phối hợp Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh phân khai kinh phí cho các đơn vị, các đơn vị đảm bảo chi trả hàng tháng đúng đối tượng theo quy định.

3. Chính sách hỗ trợ thu hút và trọng dụng nhân tài tại Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An

a) Mục tiêu: Thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, chuyên viên có năng lực, trình độ chuyên môn cao trong và ngoài tỉnh, nhằm nâng cao năng lực tham mưu, triển khai các chương trình, đề án KH-CN, ĐMST và CDS của tỉnh Nghệ An theo các lĩnh vực:

b) Đối tượng áp dụng:

- Cá nhân có trình độ từ thạc sĩ, tiến sĩ hoặc chuyên gia có kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực KH-CN được tuyển dụng, ký hợp đồng lao động xác định thời hạn

hoặc thuê khoán công việc, sản phẩm tại Sở Khoa học và Công nghệ được quy định tại Nghị định 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;

- Không thuộc đối tượng đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc chế độ thu hút khác của tỉnh.

c) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Tiền lương: Hỗ trợ tiền lương theo hợp đồng lao động, mức không quá 50.000.000 đồng/tháng, tùy theo trình độ, năng lực, vị trí và nhu cầu sử dụng của đơn vị.

- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Mức tối đa 5.000.000 đồng/tháng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Chi tiết mức hỗ trợ và tiêu chí cụ thể được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo.

d) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị thu hút, sử dụng nhân tài của Sở Khoa học và Công nghệ (theo Mẫu PL3.1);

- Hồ sơ cá nhân (lý lịch khoa học, văn bằng, chứng chỉ, công trình hoặc sản phẩm khoa học);

- Dự thảo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê khoán;

- Văn bản đồng ý của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương thu hút.

e) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nhu cầu thực tế, xây dựng kế hoạch thu hút nhân tài trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Sau khi được chấp thuận, tiến hành tuyển chọn, ký hợp đồng và thực hiện chi trả hỗ trợ theo quy định.

4. Hỗ trợ chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành của tỉnh Nghệ An

a) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ:

- Là công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An.

- Được cấp có thẩm quyền công nhận là chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành theo tiêu chí quy định tại Nghị định 179/2024/NĐ-CP.

- Có đóng góp nổi bật trong hoạt động nghiên cứu, quản lý, đổi mới sáng tạo hoặc chuyển đổi số của ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An.

- Được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt công nhận mỗi ngành: Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật và công nghệ; Nông nghiệp và môi trường; Y dược; Khoa học xã hội và nhân văn; Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, không quá 5 người.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Người được công nhận là chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành được hưởng chế độ phụ cấp tăng thêm bằng 150% mức lương hiện hưởng, trong thời gian được công nhận (tối đa 05 năm, theo chu kỳ đánh giá lại hàng năm).

- Ngoài ra, được ưu tiên bố trí tham gia các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ hoặc đề tài trọng điểm của tỉnh.

- Khi thôi không còn giữ danh hiệu hoặc không đạt kết quả đánh giá định kỳ thì chấm dứt hưởng chế độ hỗ trợ kể từ tháng liền kề sau quyết định.

d) Hồ sơ gửi về Sở khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản của các cơ quan, đơn vị rà soát, giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định 179/2024/NĐ-CP, gửi hồ sơ đề nghị công nhận chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành về Sở Khoa học và Công nghệ.

- Văn bản đề nghị công nhận chuyên gia/nhà quản lý/nhà khoa học đầu ngành (theo Mẫu PL3.1).

- Lý lịch khoa học, bản sao các văn bằng, chứng chỉ, công trình, kết quả nghiên cứu của chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành.

- Bản đánh giá kết quả công tác, thành tích, đóng góp của cá nhân chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành của cơ quan, đơn vị công tác.

- Biên bản xét chọn, đề nghị của Hội đồng chuyên môn cơ sở của cơ quan, đơn vị công tác.

e) Trình tự, thủ tục thực hiện:

- Mỗi năm nhận hồ sơ 1 đợt: Từ ngày 01/10 đến ngày 31/10.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập hội đồng xét chọn trình UBND tỉnh quyết định và thực hiện hỗ trợ cho chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học đầu ngành trong năm tiếp theo liền kề.

Điều 9. Hỗ trợ hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST&CDS

a) Mục tiêu

Khuyến khích và tạo điều kiện cho công chức, viên chức ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, nhằm tiếp cận tri thức mới, công nghệ tiên tiến, mô hình quản lý hiện đại, kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực KHCN, ĐMST&CDS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

- Công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS tại Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị trực thuộc hoặc tổ chức Khoa học và Công nghệ của tỉnh;

- Được Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành Trung ương hoặc tổ chức quốc tế mời tham gia chương trình hợp tác, đoàn công tác, hội nghị, hội thảo, đào tạo, trao đổi chuyên gia;

- Chuyển công tác thuộc các chương trình ngoài kế hoạch công tác đối ngoại hàng năm của tỉnh và có ý nghĩa thiết thực phục vụ nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST & CDS của địa phương.

c) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí liên quan đến tham dự chương trình hợp tác quốc tế, bao gồm: vé máy bay, phí visa, bảo hiểm, tài liệu, chi phí sinh hoạt theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.

- Kinh phí hỗ trợ được bố trí trong phạm vi dự toán sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được UBND tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ.

- Mức hỗ trợ cụ thể căn cứ vào từng chương trình, được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định trong phạm vi được phân cấp và dự toán được duyệt.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Văn bản đề nghị cử hoặc hỗ trợ tham gia chương trình hợp tác quốc tế của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ gửi Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An;
- Thư mời, kế hoạch hoặc văn bản xác nhận của tổ chức mời;
- Dự toán chi phí chi tiết kèm theo;
- Báo cáo kết quả công tác sau khi kết thúc chương trình gửi Chủ tịch UBND tỉnh.

e) Trình tự, thủ tục thực hiện

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ yêu cầu thực tế và nội dung thư mời hoặc kế hoạch của Bộ/ngành Trung ương, báo cáo, xin ý kiến chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh trước khi cử cán bộ tham dự;

- Việc cử cán bộ tham gia phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ phát triển KH-CN, ĐMST & CDS của tỉnh;

- Sau mỗi chương trình hợp tác quốc tế, cá nhân tham dự có trách nhiệm báo cáo kết quả bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phục vụ công tác quản lý và tham mưu chính sách của ngành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chủ trì:

a) Hướng dẫn thực hiện; tiếp nhận, thẩm định, tổng hợp và trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung hỗ trợ.

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ hàng năm.

2. Sở Tài chính phối hợp hướng dẫn cơ chế tài chính, kiểm soát chi, quyết toán kinh phí.

3. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã phối hợp triển khai, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận chính sách.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được hỗ trợ có trách nhiệm:

a) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng nội dung;

b) Báo cáo kết quả thực hiện, chịu trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ và kết quả.

c) Trường hợp phát hiện sử dụng sai mục đích, gian lận hoặc vi phạm quy định thì thu hồi toàn bộ kinh phí hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 11. Kiểm tra, giám sát, thu hồi và xử lý vi phạm

1. Công tác kiểm tra, giám sát

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Kiểm tra được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất nhằm bảo đảm việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và đạt hiệu quả.

Kết quả kiểm tra là căn cứ để tiếp tục, tạm dừng, chấm dứt hoặc thu hồi hỗ trợ.

2. Thu hồi kinh phí hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định, sử dụng kinh phí sai mục đích, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung cam kết trong hồ sơ hỗ trợ phải hoàn trả toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã nhận về ngân sách nhà nước.

Việc thu hồi kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

Các trường hợp phải bồi hoàn, thu hồi kinh phí: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thu hồi kinh phí theo quy định.

3. Xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Nghị quyết này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

b) Cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, bao che, thiếu trách nhiệm trong quá trình thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, giám sát, giải ngân kinh phí hỗ trợ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

c) Công khai, minh bạch:

Danh mục các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ và kết quả kiểm tra, giám sát được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ để bảo đảm minh bạch, phòng ngừa sai phạm.

Phụ lục 01
DANH MỤC
ĐỐI TƯỢNG, MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG TRONG
LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI SỐ.

Ngoài đối tượng đã được hưởng mức hỗ trợ theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với đối tượng và mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể như sau:

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/tháng (đơn vị tính: mức lương cơ sở)	Ghi chú
I	Cấp Tỉnh		
1	Lãnh đạo Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTQ Việt Nam tỉnh trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3	5
II	Cấp sở, ngành		
1	Lãnh đạo trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Cơ quan Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh (mỗi đơn vị tối đa 01 người); lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ	3	5
2	Lãnh đạo trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ, HĐND, UBMTTQ và Sở, ngành còn lại (mỗi đơn vị tối đa 01 người)	2,5	38
4	Lãnh đạo phòng, đơn vị trực thuộc Cơ quan Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (mỗi đơn vị tối đa 02 người); Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở khoa học và công nghệ	2,5	28
5	Lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh uỷ, HĐND, MTTQ và các sở, ngành còn lại trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (mỗi đơn vị tối đa 01 người)	2	38
6	Chuyên viên trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh (mỗi đơn vị tối đa 02	2	39

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ/tháng (đơn vị tính: mức lương cơ sở)	Ghi chú
	người); công chức công tác tại Sở Khoa học và Công nghệ		
7	Chuyên viên trực tiếp phụ trách lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, HĐND, MTTQ và các sở, ngành còn lại (mỗi đơn vị tối đa 01 người)	1,5	38
8	Viên chức (trong biên chế) làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	1,5	19
III	Cấp xã		
1	Lãnh đạo xã (gồm các chức danh Bí thư, PBT Đảng ủy; Chủ tịch HĐND, UBND; Phó Chủ tịch HĐND, UBND) trực tiếp phụ trách về lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (mỗi xã tối đa 01 người)	1,5	130
2	Lãnh phòng trực thuộc UBND cấp xã phụ trách lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (mỗi xã tối đa 01 người)	1,0	130
3	Chuyên viên trực tiếp phụ trách lĩnh vực Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (mỗi xã 01 tối đa 01 người)	1,0	130

Phụ lục 02

MỨC THU NHẬP CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC THU HÚT ĐẾN LÀM VIỆC THEO HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN HOẶC THEO HÌNH THỨC THUÊ KHOÁN CÔNG VIỆC, SẢN PHẨM

1. Mức thu nhập đối

a) Mức lương theo thỏa thuận đối với trường hợp thuê khoán công việc, sản phẩm.

Tùy theo lĩnh vực, yêu cầu, tính chất, khối lượng công việc, năng lực, trình độ, kinh nghiệm công tác của ứng viên, cơ quan, đơn vị sử dụng đề xuất thỏa thuận mức hợp đồng thuê chuyên gia phù hợp (bao gồm lương, chi phí đi lại, thuê nhà ở và các chế độ hỗ trợ cần thiết khác).

b) Mức lương theo tháng

- Đối với quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các lĩnh vực; Luật gia, luật sư, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, lĩnh vực.

Làm việc đủ thời gian theo tháng (tính theo ngày) tối đa không quá 50.000.000 đồng/tháng.

- Đối với người có kinh nghiệm, am hiểu về chuyên môn, nghiệp vụ và đã từng triển khai trực tiếp các nhiệm vụ cụ thể có tính chất tương đồng.

Làm việc đủ thời gian theo tháng (tính theo ngày) tối đa không quá 30.000.000 đồng/tháng.

2. Hỗ trợ chi phí lưu trú.

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí lưu trú tại các phường thuộc thành phố Vinh (cũ) trong thời gian công tác tại tỉnh và số tiền không vượt quá 5.000.000 đồng/tháng (trừ trường hợp cơ quan, đơn vị đề xuất áp dụng mức lương theo thỏa thuận thuê khoán công việc, sản phẩm và đã bao gồm chi phí thuê nhà ở theo quy định tại tiết 4 khoản 1 Điều này). Thời gian hỗ trợ không quá 01 năm.

Phụ lục 03

**BIỂU MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHOA
HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Mẫu PL3.1 – ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Về việc đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
Nghệ An)

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An

1. **Tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp:**
2. **Địa chỉ:**
3. **Điện thoại/Email:**
4. **Tên chính sách đề nghị hỗ trợ:**
5. **Tóm tắt nội dung, mục tiêu, quy mô thực hiện:**
6. **Tổng kinh phí thực hiện:** triệu đồng
 - Kinh phí đề nghị hỗ trợ: triệu đồng
7. **Cam kết:**
 - Thực hiện đúng nội dung, mục tiêu đã đăng ký.
 - Sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.
 - Chưa nhận hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước về nội dung đề xuất hỗ trợ.

Đại diện tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu PL3.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Hôm nay, ngày tháng năm, tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An, Hội đồng thẩm định xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ của:

1. Thành phần Hội đồng:

- Chủ tịch Hội đồng:
- Thư ký:
- Các ủy viên:

2. Nội dung thẩm định:

- Tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ.
- Tính khoa học, đổi mới, khả năng ứng dụng, hiệu quả kinh tế - xã hội.
- Mức đề xuất hỗ trợ, tính khả thi trong triển khai.

3. Kết luận:

- Hội đồng thống nhất đề nghị phê duyệt hỗ trợ: triệu đồng.
- Tỷ lệ hỗ trợ:% tổng kinh phí thực hiện.
- Kiến nghị khác (nếu có):

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu PL3.3

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND-VX

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ trợ theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số .../TTr-SKHCHN ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ trợ cho (tên tổ chức/cá nhân/doanh nghiệp):

.....

- Nội dung hồ trợ:

.....

- Mức hồ trợ: triệu đồng (bằng chữ:)

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, giám sát việc triển khai, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu PL3.4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ HỖ TRỢ

Ngày ... tháng ... năm ..., Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiệm thu kết quả hỗ trợ của:

1. Nội dung triển khai:

2. Kết quả đạt được:

3. Đánh giá của Hội đồng nghiệm thu:

- Kết quả thực hiện: ☐ Tốt ☐ Khá ☐ Đạt ☐ Không đạt
- Hiệu quả kinh tế - xã hội:
- Đề nghị thanh quyết toán, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu PL3.5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN/DOANH NGHIỆP:

TÊN CHÍNH SÁCH ĐƯỢC HỖ TRỢ:

STT	Nội dung chi	Dự toán (triệu đồng)	Thực chi (triệu đồng)	Ghi chú
1	Vật tư, nguyên liệu			
2	Thuê chuyên gia, nhân công			
3	Thử nghiệm, kiểm định, triển khai mô hình			
4	Tổ chức hội đồng, báo cáo, nghiệm thu			
Tổng cộng				

Đề nghị quyết toán ngân sách hỗ trợ: triệu đồng.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)